

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST

Ngày: 21-5-2020

V/v "T/c Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng.
2. Ông Nguyễn Văn Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long - tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 35/2019/TLST-KDTM, ngày 27/12/2019, về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Viết tắt là Ngân hàng). Địa chỉ: đường L, Phường H, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô C.D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Thành T. Địa chỉ: đường C, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 (Có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Ma Khắc Kh (vắng mặt) và ông Phan Thế V (Có mặt). Cùng địa chỉ: đường C, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy quyền số 58548 ngày 12/12/2020 (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại H (Viết tắt Công ty H). Địa chỉ: đường Đ, phường X, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Vũ H1, chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Vũ H. Địa chỉ: đường Đ, phường X, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2019, ngày 19/11/2019 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T và các lời khai tiếp theo của ông Phan Thế V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/10/2017, Ngân hàng TMCP T và Công ty H có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số SME/VLG/17/0037/HDHM với hạn mức cho vay là 213.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H theo khế ước nhận nợ lần 01/SME/VLG/17/0037/HDHM-01 ngày 17/10/2017, số tiền vay 213.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 17.3%/năm. Ngày đến hạn thanh toán 17/10/2018.

Để đảm bảo khoản vay trên Ngân hàng và ông H1 có ký hợp đồng bảo lãnh số SME/VLG/17/0037/HDBL ngày 17/10/2017 thỏa thuận ông H1 là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp tại Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh trên.

Ngày 17/11/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty H có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số SME/VLG/17/0044/HDHM với hạn mức cho vay là 450.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H theo các khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/VLG/17/0044/HDHM-01 ngày 17/11/2017, số tiền vay 237.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 19.2%/năm. Ngày đến hạn thanh toán 17/11/2018;

- Khế ước nhận nợ lần 02/số SME/VLG/17/0044/HDHM-02 ngày 19/12/2017, số tiền vay 55.250.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 21.3%/năm. Ngày đến hạn thanh toán 17/12/2018;

- Khế ước nhận nợ số SME/VLG/17/0044/HDHM-03 ngày 16/01/2018, số tiền vay 42.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 21.5%/năm. Ngày đến hạn thanh toán 16/01/2019;

Các hợp đồng vay trên đều không có nhận thế chấp tài sản nhưng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với các khoản vay trên, Ngân hàng và ông Lê

Vũ H1 có ký hợp đồng bảo lãnh số SME/VLG/17/0044/HDBL thỏa thuận ông H1 là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp tại Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh trên.

Sau khi vay Công ty H có thanh toán nợ vốn lãi cho Ngân hàng theo từng khế ước nhận nợ nhưng thực hiện không đúng và không đầy đủ, Ngân hàng đã trình bày trong bản tự khai ngày 05/3/2020.

Do Công ty H ngưng thanh toán nợ cho ngân hàng nên tính đến ngày khởi kiện Công ty H còn nợ gốc 202.364.814 đồng và nợ lãi là 68.190.667 đồng, tổng cộng 270.555.481 đồng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện thì Công ty H có trả nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không đầy đủ tuy nhiên số vốn vay có giảm dần do trừ vào dư nợ vay. Cụ thể đến ngày 05/3/2020 thì Công ty H còn nợ Ngân hàng số vốn vay tổng cộng của các khế ước nhận nợ là 194.424.524 đồng, lãi phải trả là 108.215.562 đồng, lãi phạt là 9.794.482 đồng, tổng cộng nợ tiền lãi là 118.010.045 đồng, tổng cộng nợ vốn lãi tính đến ngày 05/3/2020 là 312.434.569 đồng. Ngân hàng yêu cầu Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ vốn lãi còn nợ tính đến ngày 05/3/2020 là 312.434.569 đồng. Ngân hàng yêu cầu được tính lãi theo hợp đồng đến khi Công ty H thanh toán xong số nợ trên.

Trường hợp Công ty H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Vũ H1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại Tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty H phải thanh toán số nợ tính đến ngày 21/5/2020 còn nợ là 327.218.951 đồng, trong đó nợ gốc là 194.424.224 đồng và nợ lãi là 132.794.727 đồng. Ngân hàng yêu cầu được tính lãi theo hợp đồng đến khi Công ty H thanh toán xong số nợ trên.

Trường hợp Công ty H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Vũ H1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn Công ty H do ông Lê Vũ H1 đại diện hợp pháp trình bày: Ông H thừa nhận Công ty H và ông H1 có ký hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cũng như hợp đồng bảo lãnh nêu trên, cụ thể như sau:

Ngày 17/10/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty H do ông H1 đại diện có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số SME/VLG/17/0037/HDHM với hạn mức cho vay là 213.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H theo khế ước nhận nợ số SME/VLG/17/0037/HDHM-01 ngày 17/10/2017, số tiền vay

213.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 17.3%/tháng. Ngày đến hạn thanh toán 17/10/2018.

Để đảm bảo khoản vay trên Ngân hàng và ông H1 có ký hợp đồng bảo lãnh số SME/VLG/17/0037/HDBL cùng ngày thỏa thuận ông H1 là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp tại Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh trên.

Ngày 17/11/2017, Ngân hàng TMCP T và Công ty H do ông H1 đại diện có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số SME/VLG/17/0044/HDHM với hạn mức cho vay là 450.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H theo các khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/VLG/17/0044/HDHM-01 ngày 17/11/2017, số tiền vay 237.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 19.2%/năm. Ngày đến hạn thanh toán 17/11/2018;
- Khế ước nhận nợ lần 2/số SME/VLG/17/0044/HDHM-02 ngày 19/12/2017, số tiền vay 55.250.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 21.3%/năm. Ngày đến hạn thanh toán 17/12/2018;
- Khế ước nhận nợ lần 3/số SME/VLG/17/0044/HDHM-03 ngày 16/01/2018, số tiền vay 42.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 21.5%/năm. Ngày đến hạn thanh toán 16/01/2019;

Các hợp đồng vay trên đều không có nhận thế chấp tài sản nhưng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với các khoản vay trên, Ngân hàng và ông H1 có ký hợp đồng bảo lãnh số SME/VLG/17/0044/HDBL thỏa thuận ông H là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp tại Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh trên.

Sau khi vay nợ thì Công ty H có thanh toán nợ vốn lãi cho Ngân hàng theo từng khế ước nhận nợ nhưng thực hiện không đúng và không đầy đủ, lý do là vì Công ty đã ngừng hoạt động kinh doanh hơn một năm qua, bản thân ông H1 bị bệnh nên Công ty gặp nhiều khó khăn và không có khả năng thanh toán nợ.

Ông H1 thống nhất số nợ như đại diện Ngân hàng đã trình bày trên, đến ngày 05/3/2020 thì Công ty H do ông H1 đại diện còn nợ Ngân hàng số vốn vay tổng cộng của các khế ước nhận nợ là 194.424.524 đồng, lãi phải trả là 108.215.562 đồng, lãi phạt là 9.794.482 đồng, tổng cộng nợ tiền lãi là 118.010.045 đồng, tổng cộng nợ vốn lãi tính đến ngày 05/3/2020 là 312.434.569 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ vốn lãi còn nợ tính đến ngày 05/3/2020 là 312.434.569 đồng thì ông H1 cũng đồng ý số nợ vốn lãi trên. Nhưng do hoàn cảnh cá nhân ông H1 gặp khó khăn và Công

ty đã ngừng hoạt động nên ông H1 đề nghị Ngân hàng cho ông thời hạn trả số vốn vay, riêng phần tiền nợ lãi ông H1 đề nghị Ngân hàng miễn giảm toàn bộ lãi cho Công ty H.

Công ty H đồng ý Ngân hàng yêu cầu được tính lãi theo hợp đồng vay đến khi Công ty H thanh toán xong nợ trên vì điều này đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp Công ty H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, ông H1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại Tòa, ông Lê Vũ H đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày trên. Đề nghị được giảm tiền lãi phải trả cho ngân hàng do hoàn cảnh khó khăn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Vũ H1 trình bày: Việc Công ty H có ký hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp đồng bảo lãnh là đúng. Công ty H do ông H1 đại diện theo pháp luật nên ông H1 là người ký các hợp đồng nêu trên. Nay Công ty H gặp khó khăn nên không trả được nợ cho Ngân hàng đúng hạn. Ông H1 đồng ý trường hợp Công ty H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, ông H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại Tòa ông Lê Vũ H1 giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và tuân thủ đúng các bước thu thập chứng cứ, đảm bảo về thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Quá trình kiểm sát xét xử tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các bước tố tụng đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 30, 35, 39 BLTTDS năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền vay gồm: Nợ gốc là 194.424.224 đồng và nợ tiền lãi tính đến ngày 21/5/2020 là 132.794.727 đồng, tổng cộng tiền vốn lãi là 327.218.951 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm mười tám ngàn chín trăm năm mươi một đồng).

Ngân hàng được tính lãi theo hợp đồng đến khi Công ty H thanh toán xong số nợ trên.

Trường hợp Công ty H không trả được nợ thì ông Lê Vũ H1 là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh là Công ty H thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng của Công ty H đối với bên Ngân hàng theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Công ty H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn Công ty H có địa chỉ tại số 44B/3 đường Đ, phường X, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng giao kết giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý phù hợp về thẩm quyền qui định tại Điều 30, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét các Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/VLG/17/0037/HDH được ký kết ngày 17/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty H do ông H1 đại diện là trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Theo hợp đồng hạn mức cho vay là 213.000.000 đồng. Ngày 17/11/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty H do ông H1 đại diện tiếp tục thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số SME/VLG/17/0044/HDHM với hạn mức cho vay là 450.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tại Tòa ông H1 thừa nhận, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H theo các khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ lần 01/SME/VLG/17/0037/HDHM-01 ngày 17/10/2017, số tiền vay 213.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 17.3%/năm. Ngày đến hạn thanh toán 17/10/2018.

- Khế ước nhận nợ lần 1/số SME/VLG/17/0044/HDHM-01 ngày 17/11/2017, số tiền vay 237.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 19.2%/tháng. Ngày đến hạn thanh toán 17/11/2018;

- Khế ước nhận nợ lần 2/số SME/VLG/17/0044/HDHM-02 ngày 19/12/2017, số tiền vay 55.250.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 21.3%/tháng. Ngày đến hạn thanh toán 17/12/2018;

- Khế ước nhận nợ lần 3/số SME/VLG/17/0044/HDHM-03 ngày 16/01/2018, số tiền vay 42.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 21.5%/tháng. Ngày đến hạn thanh toán 16/01/2019.

Sau khi vay ông H1 có thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng thanh toán không đầy đủ do hiện tại Công ty ngưng hoạt động nên không khả năng thanh toán. Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Buộc Công ty H phải thanh toán toàn bộ vốn gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và Ngân hàng được tính lãi suất phát

sinh theo đúng thỏa thuận của hợp đồng đến khi Công ty H thanh toán xong số nợ của hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Xét lãi suất cho vay theo thỏa thuận của các bên: Khi ký kết hợp đồng các bên có thỏa thuận lãi suất bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn tại Điều 6 của các hợp đồng vay. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”. Nguyên đơn yêu cầu được tính lãi suất theo thỏa thuận hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 194.424.224 đồng, nợ lãi là 132.794.727 đồng (trong đó lãi phải trả là 120.501.17đ, phạt chậm thanh toán lãi là 12.293.552 đồng), tổng cộng 327.218.951 đồng.

[4] Xét nghĩa vụ của bên bảo lãnh: Căn cứ Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số SME/VLG/17/0037/HĐBL ngày 17/10/2017 và Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số SME/VLG/17/0044/HĐBL ngày 17/11/2017 thỏa thuận ông H1 là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp tại Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh trên.

Sau khi vay nợ thì Công ty H có thanh toán nợ vốn lãi cho Ngân hàng theo từng khế ước nhận nợ nhưng thực hiện không đúng và không đầy đủ, lý do là vì Công ty đã ngừng hoạt động kinh doanh hơn một năm qua, bản thân ông H1 bị bệnh nên Công ty gặp nhiều khó khăn và không có khả năng thanh toán nợ.

Do đó, Công ty H không trả được nợ thì ông Lê Vũ H1 là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh là Công ty H thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty H đối với Ngân hàng.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 13, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhận thấy:

Công ty H do ông Lê Vũ H1 đại diện có đơn xin miễn giảm án phí, có xác nhận của địa phương về tình hình khó khăn và Công ty ngừng hoạt động từ năm 2018 đến nay lý do ông H1 bị bệnh không thể điều hành hoạt động kinh doanh nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13, 14 và 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 giảm 50% án phí sơ thẩm cho bị đơn theo quy định pháp luật. Như vậy tiền án phí được tính: $327.218.951đ \times 5\% = 16.361.000đ : 2 = 8.180.500đ$.

Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, 35, 39 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 335, 342, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13, 14 và 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Buộc Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số SME/VLG/17/0037/HDH ký kết ngày 17/10/2017 và hợp đồng cho vay hạn mức số SME/VLG/17/0044/HDHM ký kết ngày 17/11/2017 gồm: Nợ gốc là 194.424.224 đồng và nợ tiền lãi tính đến ngày 21/5/2020 là 132.794.727 đồng, tổng cộng tiền vốn lãi là 327.218.951 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm mười tám ngàn chín trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức cho vay.

Trường hợp Công ty H không trả được nợ thì ông Lê Vũ H1 là bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh là Công ty H thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng của Công ty H đối với bên Ngân hàng theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

2. Về án phí:

- Buộc Công ty H phải chịu 8.180.500 đồng (Tám triệu một trăm tám mươi ngàn năm trăm đồng) tiền án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 13/12/2019 là 6.764.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 0005094 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân thành phố Vĩnh Long;
- Cơ quan THA dân sự thành phố Vĩnh Long;
- Dương sự;
- Chánh án TAT để báo cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung